Chi tiết mã HS 0303.32.00

Mã HS	0303.32.00
Mô tả hàng hóa	Cá, đông lạnh, trừ phi-lê cá (fillets) và các loại thịt cá khác thuộc nhóm 03.04 / - Cá bơn (Pleuronectidae, Bothidae, Cynoglossidae, Soleidae, Scophthalmidae và Citharidae), trừ các phụ phẩm ăn được sau giết mổ của cá thuộc các phân nhóm từ 0303.91 đến 0303.99: / - - Cá bơn sao (Pleuronectes platessa)
Đơn vị	kg
Thời điểm tạo	03/11/2026 09:56:14
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/03033200/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	30	30%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K376
Thuế NK ưu đãi (MFN)	20	20%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N376
Thuế GTGT (VAT)	*/5/8/10	* / 5 / 8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q376
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-05-31	BT2026!CJ376
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	4	4%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	10	10%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	10	10%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

RCEP (Phụ lục C)	10	10%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	10	10%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	10	10%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	10,9	10,9%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	15	15%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VIFTA	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Không được hưởng (*)

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E370
ATIGA	2022	2022	0	AT!E371
ATIGA	2023	2023	0	AT!F371
ATIGA	2024	2024	0	AT!G371
ATIGA	2025	2025	0	AT!H371
ATIGA	2026	2026	0	AT!I371
ATIGA	2027	2027	0	AT!J371
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	2	AJ!E373
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F373
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G373
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H373

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I373
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J373
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	4	VJ!E371
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	2	VJ!F371
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G371
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H371
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I371
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J371
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F371
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H370
AIFTA	30/12/2022	2022	18	AI!F373
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	17	AI!G373
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	16	AI!H373
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	15	AI!I373
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	15	AI!J373
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	15	AI!K373
VKFTA	2022	2022	0	VK!E371
VKFTA	2023	2023	0	VK!F371
VKFTA	2024	2024	0	VK!G371
VKFTA	2025	2025	0	VK!H371
VKFTA	2026	2026	0	VK!I371
VKFTA	2027	2027	0	VK!J371
VCFTA	2022	2022	4	VC!D372
VCFTA	2023	2023	2	VC!E372
VCFTA	2024	2024	0	VC!F372
VCFTA	2025	2025	0	VC!G372

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H372
VCFTA	2027	2027	0	VC!I372
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D373
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E373
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F373
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G373
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H373
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I373
AHKFTA	2022	2022	12	AKH!D372
AHKFTA	2023	2023	8	AKH!E372
AHKFTA	2024	2024	8	AKH!F372
AHKFTA	2025	2025	4	AKH!G372
AHKFTA	2026	2026	4	AKH!H372
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I372
EVFTA	2022	2022	5	EV-NK!D370
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E370
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F370
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G370
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H370
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I370
UKVFTA	2022	2022	5	UKV!D372
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E372
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F372
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G372
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H372
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I372

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D372
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E372
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F372
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G372
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H372
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I372
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J372
RCEP A	2022	2022	18	RCEPT-A!D371
RCEP A	2023	2023	16	RCEPT-A!E371
RCEP A	2024	2024	14	RCEPT-A!F371
RCEP A	2025	2025	12	RCEPT-A!G371
RCEP A	2026	2026	10	RCEPT-A!H371
RCEP A	2027	2027	8	RCEPT-A!I371
RCEP B	2022	2022	18	B!D371
RCEP B	2023	2023	16	B!E371
RCEP B	2024	2024	14	B!F371
RCEP B	2025	2025	12	B!G371
RCEP B	2026	2026	10	B!H371
RCEP B	2027	2027	8	B!I371
RCEP C	2022	2022	18	C!D371
RCEP C	2023	2023	16	C!E371
RCEP C	2024	2024	14	C!F371
RCEP C	2025	2025	12	C!G371
RCEP C	2026	2026	10	C!H371
RCEP C	2027	2027	8	C!I371
RCEP D	2022	2022	18,2	D!D371

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	16,4	D!E371
RCEP D	2024	2024	14,5	D!F371
RCEP D	2025	2025	12,7	D!G371
RCEP D	2026	2026	10,9	D!H371
RCEP D	2027	2027	9,1	D!I371
RCEP E	2022	2022	18	E!D371
RCEP E	2023	2023	16	E!E371
RCEP E	2024	2024	14	E!F371
RCEP E	2025	2025	12	E!G371
RCEP E	2026	2026	10	E!H371
RCEP E	2027	2027	8	E!I371
RCEP F	2022	2022	18	F!D371
RCEP F	2023	2023	16	F!E371
RCEP F	2024	2024	14	F!F371
RCEP F	2025	2025	12	F!G371
RCEP F	2026	2026	10	F!H371
RCEP F	2027	2027	8	F!I371
VIFTA	2024	2024	*	VI!F353
VIFTA	2025	2025	*	VI!G353
VIFTA	2026	2026	*	VI!H353
VIFTA	2027	2027	*	VI!I353

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

DOC-003	YELLOW	Kiểm dịch	Chính sách mặt hàng: Động vật, sản phẩm động vật thủy sản phải kiểm dịch (01/2024/TT-BNNPTNT M5)		01/2024/TT-BNNPTNT	Đăng ký kiểm dịch động/thực vật theo quy định.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “*/5/8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 0303.32.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 20% của mã 0303.32.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N376), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
Động vật, sản phẩm động vật thủy sản phải kiểm dịch (01/2024/TT-BNNPTNT M5)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.